

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ : *DŨNG CẢM*

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mở rộng, hệ thống hoá vốn từ thuộc chủ điểm *Dũng cảm*.
2. Biết sử dụng các từ đã học để tạo thành những cụm từ có nghĩa, hoàn chỉnh câu văn hoặc đoạn văn.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Ba băng giấy viết các từ ngữ ở BT1.
- Bảng phụ viết sẵn 11 từ ngữ ở BT2 (mỗi từ viết 1 dòng).
- Một vài trang photô *Từ điển đồng nghĩa tiếng Việt* hoặc *Sổ tay từ ngữ tiếng Việt tiểu học* (để HS tìm nghĩa các từ : *gan dạ, gan góc, gan lì* – BT3).
- Bảng lớp viết lời giải nghĩa ở cột B, 3 mảnh bìa viết các từ ở cột A – (BT3).
- Ba, bốn tờ phiếu viết nội dung BT4.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

GV kiểm tra 1 HS nhắc lại nội dung ghi nhớ ở tiết LTVC trước (*CN trong câu kể Ai là gì ?*) ; nêu VD về 1 câu kể *Ai là gì ?*, xác định bộ phận CN trong câu.

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài. GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

Bài tập 1

– HS đọc yêu cầu của bài tập, suy nghĩ, làm bài.

– HS phát biểu ý kiến. GV nhận xét.

– GV dán 3 băng giấy viết các từ ngữ ở BT1, mời 3 HS lên bảng gạch dưới các từ ngữ cùng nghĩa với từ *dũng cảm* ; chốt lại lời giải đúng :

Các từ cùng nghĩa với từ *dũng cảm* : *gan dạ, anh hùng, anh dũng, can đảm, can trường, gan góc, gan lì, bạo gan, quả cảm.*

Bài tập 2

– HS đọc yêu cầu của bài. GV gợi ý : Các em cần ghép thử từ *dũng cảm* vào trước hoặc sau mỗi từ ngữ cho trước, sao cho tạo ra được tập hợp từ có nội dung thích hợp.

– HS cả lớp suy nghĩ, làm bài, tiếp nối nhau đọc kết quả. GV mời 1 HS lên bảng đánh dấu × (thay cho từ *dũng cảm*) – vào trước hay sau từng từ ngữ cho sẵn trên bảng phụ), chốt lại lời giải.

– 1 đến 2 HS nhìn bảng kết quả, đọc lại từng cụm từ :

	tin thần	×			
	hành động	×	×		nhận khuyết điểm
×	xông lên		×		cứu bạn
	người chiến sĩ	×	×		chống lại cường quyền
	nữ du kích	×	×		trước kẻ thù
	em bé liên lạc	×	×		nói lên sự thật

Bài tập 3

– Một HS đọc yêu cầu của BT3 (đọc hết các từ ở cột A mới đến các lời giải nghĩa ở cột B).

– GV : Các em hãy thử ghép lần lượt từng từ ngữ ở cột A với các lời giải nghĩa ở cột B sao cho tạo ra được nghĩa đúng với mỗi từ. Để kiểm tra, có thể dùng từ điển.

– HS suy nghĩ, phát biểu ý kiến. GV mời 1 HS lên bảng gắn những mảnh bìa (viết các từ ở cột A) ghép với từng lời giải nghĩa ở cột B, chốt lại lời giải.

– Hai HS đọc lại giải nghĩa từ sau khi đã lắp ghép đúng.

<i>Gan góc</i>	(chống chọi) kiên cường, không lùi bước.
<i>Gan lì</i>	gan đến mức trơ ra, không còn biết sợ là gì.
<i>Gan dạ</i>	không sợ nguy hiểm

Bài tập 4

– GV nêu yêu cầu của bài tập, gợi ý : Đoạn văn có 5 chỗ trống. Ở mỗi chỗ trống, các em thử điền từng từ ngữ cho sẵn sao cho tạo ra câu có nội dung thích hợp. HS đọc đoạn văn, trao đổi, làm bài.

– GV dán lên bảng 3 – 4 tờ phiếu viết nội dung BT, mời HS lên bảng thi điền từ đúng/ nhanh. Từng em đọc kết quả. GV nhận xét, chốt lại lời giải :

Anh Kim Đồng là một ***người liên lạc*** rất ***can đảm***. Tuy không chiến đấu ở ***mặt trận***, nhưng nhiều khi đi liên lạc, anh cũng gặp những giây phút hết sức ***hiểm nghèo***. Anh đã hi sinh, nhưng ***tám gương*** sáng của anh vẫn còn mãi mãi.

3. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học. Yêu cầu HS ghi nhớ những từ ngữ vừa được cung cấp trong tiết học, viết lại vào sổ tay từ ngữ.